

## BIỂU TƯỢNG NƯỚC MẮT TRONG TIỂU THUYẾT CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Vũ Thị Hạnh

*Khoa Báo chí Truyền thông và Văn học,  
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên*

**Tóm tắt.** Biểu tượng có vai trò quan trọng trong sáng tạo cũng như nghiên cứu văn học. Biểu tượng là cơ sở tạo ra sự ứ tràn của nội dung ra ngoài dạng thức biểu đạt, khiến cho tác phẩm văn học trở nên cô đọng, hàm súc. Trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ Việt Nam đương đại, biểu tượng nước mắt được sử dụng với nhiều chiều sâu ý nghĩa. Nó không chỉ thể hiện cho thân phận cũng như bản sắc cấu trúc tinh thần nữ giới mà còn góp phần thể hiện ý thức nữ quyền trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

**Từ khóa:** Biểu tượng, nước mắt, tiểu thuyết nữ, ý thức nữ quyền, tính nữ.

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu biểu tượng là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành khá phổ biến trên thế giới với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Ở Việt Nam, hướng nghiên cứu này đã có lịch sử phát triển khoảng trên một thế kỉ. Trước hết, cần phải kể đến một số công trình dịch được giới thiệu ở Việt Nam như: Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch. Nxb Đà Nẵng, 2002; Melanie Barnum, *Cuốn sách về các biểu tượng tâm linh*, Thế Anh dịch. Nxb Hồng Đức, 2017. Số lượng những công trình dịch chưa thật nhiều nhưng đây đều là những công trình dịch có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đặt nền móng cho những nghiên cứu về biểu tượng với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành ở Việt Nam.

Nghiên cứu về biểu tượng trong văn học Việt Nam mới chỉ thực sự được chú ý trong khoảng đôi chục năm trở lại đây. Một số công trình nghiên cứu về biểu tượng của các tác giả trong nước có thể kể đến như: Đinh Hồng Hải, *Nghiên cứu biểu tượng – một số hướng tiếp cận lí thuyết*. Nxb Thế giới, 2014; Phạm Thị Thanh Phương, *Biểu tượng và Tư duy nghệ thuật trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 10 năm 2017; Nguyễn Thị Duyên, *Biểu tượng nước, lửa trong sáng tác của một số nhà văn nữ đương đại*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015; Trần Thị Tươi, *Đọc truyện ngắn Việt Nam dưới góc nhìn biểu tượng (khảo sát*

---

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Vũ Thị Hạnh. Địa chỉ e-mail: hanhvt@tnus.edu.vn.

một số biểu tượng tiêu biểu), Đinh Thị Thanh Huyền, *Biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết của Albert Camus*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008; Trần Thị Hương, *Biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012; Trần Thị Hoài Phương, *Biểu tượng như một phương thức phản ánh của văn xuôi đương đại (qua tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Bình Phương, Hồ Anh Thái)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009...

Những công trình nghiên cứu trên đây đã mở ra hướng nghiên cứu biểu tượng trên cả phương diện lí thuyết và ứng dụng. Trong đó, đã có những công trình chú ý đến việc nghiên cứu biểu tượng đặc trưng trong bộ phận văn học nữ giới (Phạm Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Duyên, Trần Thị Tươi), trong đó các tác giả chủ yếu đề cập đến một số biểu tượng đặc trưng (biểu tượng nước, biểu tượng lửa, biểu tượng đất) trong truyện ngắn của các nhà văn nữ. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu trên, bài viết này là một sự bổ khuyết cho những nghiên cứu về biểu tượng trong văn học nữ (biểu tượng nước mắt) ở một thể loại giữ vị trí trung tâm của đời sống văn học – thể loại tiểu thuyết.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Trong những năm gần đây, các nhà văn nữ Việt Nam đã và đang khẳng định một tinh thần “tự vượt” mạnh mẽ để mang lại những đóng góp ngày càng đáng kể hơn cho văn học dân tộc. Trong số đó, tiểu thuyết của một số nhà văn nữ như Thuận, Đoàn Minh Phương, Lê Ngọc Mai, Lê Minh Hà, Dạ Ngân, Bích Ngân, Thùy Dương, Trầm Hương... nổi lên như một hiện tượng, chứa đựng nhiều đổi mới. Với sự nhạy cảm tinh tế và đầy nữ tính, qua hành trình tiểu thuyết, các nhà văn nữ đã thể hiện sự thức nhận về bản sắc cá nhân cũng như những vấn đề liên quan đến giới nữ. Thông qua việc cắt nghĩa, lí giải về biểu tượng nước mắt trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ, người viết hướng đến làm rõ những ý nghĩa của biểu tượng nước mắt qua đó thấy được sự thức nhận về thân phận, bản sắc cá nhân cũng như ý thức nữ quyền của các nhà văn nữ Việt Nam đương đại.

### 2. 1. Quan niệm về biểu tượng (Symbol)

Biểu tượng là một từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ cổ ở châu Âu. Luigman trong *Dictionary of Symbols* đã định nghĩa: biểu tượng – “a common agreement between those using it, represented something other than itself” [1]. Từ định nghĩa trên chúng ta có thể thấy: những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý rằng nó có nhiều hơn một ý nghĩa đại diện cho chính bản thân nó. Nói như Tzvetan Todorov, biểu tượng chỉ một cái biểu đạt giúp ta nhận thức ra nhiều cái được biểu đạt.

Tuy nhiên, giá trị của biểu tượng không chỉ nằm ở nhiều cái được biểu đạt qua một cái biểu đạt, biểu tượng còn có ý nghĩa thực sự quan trọng khi “cái được biểu trưng bao giờ cũng là vô thức” [2]. Thông qua một cái biểu đạt cụ thể, biểu tượng phản ánh được những yếu tố còn mơ hồ, khó xác định, tồn tại tiềm ẩn bên trong thế giới tinh thần mà nhiều khi lí trí không thể lí giải được. C.G.Jung đã khẳng định: “biểu tượng không phải là một phúng dụ hay một dấu hiệu đơn giản mà đúng hơn là một hình ảnh thích hợp để chỉ ra đúng hơn cái bản chất ta mơ hồ nghi hoặc của tâm linh... Biểu tượng không cắt nghĩa, nó đưa ta ra bên ngoài chính nó đến một ý nghĩa còn nằm ở tận phía ngoài kia,

không thể nắm bắt, được dự cảm một cách mơ hồ” [2]. Bởi vậy, biểu tượng “thể hiện thế giới được nhận thức và trải nghiệm đúng như chủ thể cảm nhận, không phải bằng lí trí... mà bằng toàn bộ tâm thần của anh ta, chủ yếu ở cấp độ vô thức” [2].

Với những ý nghĩa như trên, biểu tượng trở thành một đối tượng quan trọng trong nghiên cứu văn học. Trong tác phẩm, biểu tượng trở thành một loại hình tượng nghệ thuật đặc biệt, có sức khái quát hóa, mang ý nghĩa biểu trưng – chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa vượt ra ngoài tính cụ thể - cảm tính của hình tượng nghệ thuật thông thường. Nó không chỉ thể hiện năng lực khái quát hóa mà còn phản ánh sự nhận thức về thế giới trong toàn bộ “cấu trúc tâm thần” (chủ yếu ở cấp độ vô thức) của người nghệ sĩ.

Khi nghiên cứu về biểu tượng, việc giải mã các tầng nghĩa của biểu tượng trở nên hết sức quan trọng bởi mỗi biểu tượng đều có ý nghĩa riêng tùy thuộc vào môi trường tồn tại của nó. Nói cách khác, ý nghĩa của biểu tượng phụ thuộc vào nền văn hóa sản sinh ra nó, bối cảnh và thời điểm mà nó ra đời, và tất nhiên, mục đích sử dụng của nó cũng thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố trên. Do đó, “ý nghĩa mà chúng ta tìm ra trong quá trình nghiên cứu các biểu tượng chính là bản sắc, là đặc tính văn hóa được thể hiện thông qua ngôn ngữ biểu tượng” [3].

## **2.2. Nước mắt trong tâm thức văn hóa nhân loại**

Trong tâm thức văn hóa nhân loại, nước mắt (tears) mang nhiều ý nghĩa. Trước hết, với đặc trưng bản thể của nó, nước mắt – “là cái giọt sẽ tan đi, sẽ biến thành hơi, sau khi đã làm chứng, là một biểu tượng của nỗi đau” [2]. Với ý nghĩa ấy, nước mắt đã đi vào trong văn học như một biểu tượng cho nỗi bất hạnh, khổ đau của con người. Tuy nhiên, khi xem xét “nước mắt” trong mối quan hệ với chủ thể, nó không đơn giản chỉ là biểu tượng của nỗi đau mà nó còn gắn liền với những quan niệm và định kiến về giới.

Trong *Critical theory today*, Lois Tyson đã khẳng định rằng: “Men and even little boys, who cry are called “sissies”. Sissy sound very much like sister, and it means “cowardly” or “feminine”” [4] (có thể dịch là: Đàn ông, hay ngay cả những cậu bé khi khóc đều bị gọi là “sissies”... Sissy nghe có vẻ rất giống sister, và nó có nghĩa là “hèn nhát” hay “yếu đuối”). Do đó, bất cứ ai khóc đều bị gọi là “sissy” và thật không khó để có thể khẳng định rằng: sissy trong hầu hết các cuốn Từ điển Anh – Việt hiện nay đều mang nghĩa là: ẻo lả, hèn nhát, (tính tình) như đàn bà. Nói cách khác, khóc – nước mắt trở thành biểu tượng của sự yếu đuối và hèn nhát. Điều này đã trở thành một “quy ước ngầm” – một định kiến bền rề trong đời sống văn hóa cộng đồng khiến cho những người đàn ông dường như không bao giờ rơi lệ. Bởi vậy, nước mắt thay vì đại diện cho nỗi đau nhân loại, nó chủ yếu “làm chứng” cho nỗi đau của những con người thường bị gán cho là yếu đuối – đó là đàn bà.

Trong nền văn hóa gia trưởng phương Đông, nước mắt cũng gắn liền với đàn bà. Gắn liền với đàn ông là hai chữ “trượng phu” – là một con người mang tầm vóc vũ trụ “đầu đội trời, chân đạp đất”. Và để xứng tầm vũ trụ, nam nhi đại trượng phu đã chọn cho mình thái độ ứng xử “thà rơi đầu chứ không rơi lệ”. Nếu có chẳng trong những nghịch cảnh sống chết bi tráng thì cũng “anh hùng khắp huyết bất khắp lệ”. Bởi vậy, đằng sau huyết lệ của đàn ông không phải là sự yếu đuối mà là khí phách đôn tụ, là sự thăng hoa thành bậc trượng phu hào kiệt.

Có lẽ bởi vậy mà trong cả văn hóa phương Đông và phương Tây, nước mắt mặc nhiên được gán cho đàn bà. Gắn chặt với cuộc đời đàn bà, nước mắt thể hiện cho sự yếu đuối, hèn nhát, khổ đau, bất hạnh của đàn bà.

### 2.3. Biểu tượng nước mắt trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ Việt Nam đương đại

Sáng tác theo khuynh hướng tiểu thuyết ngắn (thu hẹp độ dài dưới 300 trang, tăng cường phản ánh hiện thực theo chiều sâu nhằm mang lại tính triết lí và tính thơ cho tiểu thuyết), các nhà văn nữ đã rất coi trọng việc sử dụng những biểu tượng nghệ thuật đa nghĩa như biểu tượng đất, biểu tượng đêm, biểu tượng nước.... Trong đó, biểu tượng nước mắt là một biểu tượng tiêu biểu, xuất hiện với tần số lớn và được sử dụng với nhiều ý nghĩa: vừa là sự thể hiện của bản sắc cấu trúc tâm thần nữ giới, vừa là “chứng nhân” của nỗi đau, sự bất hạnh, vừa mang những nét riêng thể hiện sự ý thức nữ quyền của các nhà văn nữ trong văn học. Đặc biệt, nếu chất thơ là sự miêu tả hiện thực đời sống từ cái nhìn nội cảm thì nước mắt chính là biểu tượng tiêu biểu nhất góp phần mang lại chất thơ cho tiểu thuyết.

#### 2.3.1. Nước mắt – sự thể hiện cho số phận đau khổ, bất hạnh của phụ nữ

Ý nghĩa đầu tiên của nước mắt, gắn liền với giới nữ, là sự thể hiện cho số phận chịu nhiều thiệt thòi, bất hạnh của người phụ nữ. Bởi vậy, trước hết, nước mắt có giá trị phơi bày hiện thực, đặt ra vấn đề “xét lại” mối quan hệ giới trên tinh thần bình đẳng hơn là sự khẳng định bản tính yếu đuối hay hèn nhát của phụ nữ.

Khi nghiên cứu về biểu tượng nước mắt trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ Việt Nam đương đại, người viết đã khảo sát tần số xuất hiện của từ “khóc” và “nước mắt”. Kết quả khảo sát được thể hiện cụ thể qua bảng dưới đây:

Tác giả	Tác phẩm	Tần số lặp lại	
		Khóc	Nước mắt
Thuận	<i>Chinatown</i>	65	15
	<i>Paris 11 tháng 8</i>	14	14
	<i>T mắt tích</i>	27	4
	<i>Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư</i>	59	18
Đoàn Minh Phượng	<i>Mưa ở kiếp sau</i>	76	30
	<i>Và khi tro bụi</i>	20	9
Lê Ngọc Mai	<i>Tìm trong nỗi nhớ</i>	26	21
	<i>Trên đỉnh dốc</i>	24	18
Lê Minh Hà	<i>Gió tự thời khuất mặt</i>	58	17
Trầm Hương	<i>Người cha hiện đại</i>	56	24
Dạ Ngân	<i>Gia đình bé mọn</i>	32	19

Qua bảng khảo sát chúng ta có thể thấy, trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ, nước mắt xuất hiện với tần số lớn. Tần số xuất hiện lần lượt của từ “khóc/ nước mắt” nhiều nhất là ở *Mưa ở kiếp sau* (76/30 lần), *Chinatown* (65/15 lần), *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư*, (59/18 lần), *Người cha hiện đại* (56/24 lần), *Gió tự thời khuất mặt* (58/17 lần), *Tìm trong nỗi nhớ* (26/21 lần), *Gia đình bé mọn* (32/19 lần). Đặc biệt, “khóc” và “nước mắt” ở mọi hoàn cảnh, đều gắn liền với phụ nữ trong những thời điểm bi thương (rất hiếm khi nước mắt biểu hiện cho niềm vui hạnh phúc của phụ nữ được miêu tả trong tác phẩm cho dù trong hiện thực đời sống vẫn có trường hợp này). Việc sử dụng đậm đặc hình tượng “nước mắt” để biểu thị cho nỗi đau của người phụ nữ cho phép chúng ta có thể kết luận rằng: trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ, nước mắt được sử dụng như một biểu tượng để nói lên sự bất hạnh khổ đau của giới nữ. Nước mắt chính là yếu tố góp phần xác tín cho sự tồn tại, sự hiện diện của những nỗi đau vẫn luôn ám ảnh và đeo bám cuộc đời những người phụ nữ.

Lần theo sự xuất hiện của “nước mắt”, bi kịch cuộc đời của những người đàn bà dần được hé mở. Đó trước hết là nỗi đau chồng nhất nỗi đau của những thế hệ đàn bà ở một đất nước chìm mình trong bom đạn chiến tranh: nỗi đau của người vợ mất chồng, người mẹ mất con, người chị mất em, người con mất cha mất mẹ (*Gia đình bé mọn* của Dạ Ngân, *Nhân gian* của Thùy Dương, *Gió tự thời khuất mặt* của Lê Minh Hà, *Thang máy Sài Gòn*, *Chinatown* của Thuận); nỗi đau của người đàn bà bị phụ bạc, bị bỏ rơi (Yên Thao trong *Thức giấc* của Thùy Dương, mẹ con Di trong *Thoát y dưới trăng* của Thùy Anna, Mai Lan và cô bạn gái Li Băng trong *Paris 11 tháng 8* của Thuận), nỗi đau nghiệt ngã của người đàn bà vì nhẹ dạ cả tin mà bị lừa dối, bị xã hội chửi rủa là “đồ đi điếm” (*T mắt tích* của Thuận; *Thoát y dưới trăng* của Thùy Anna...).

Nỗi đau của người đàn bà ở một đất nước chiến tranh được biểu hiện sâu sắc trong *Thang máy Sài Gòn*, *Và khi tro bụi*, *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư* của Thuận. Trong những tác phẩm này, không có bom rơi, đạn nổ, không có chiến hào, địa họa, nhưng chiến tranh vẫn hiện ra trong nỗi đau, trong nước mắt trên những khuôn mặt khắc khổ, biến dạng của những người ở lại. Đúng như người đàn ông trong *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư* đã nhận định: “Tháng Tư chỉ đẹp với hấn mà thôi vì hấn là kẻ ngoài cuộc, hấn đi khỏi đất nước này từ năm lên 4, hấn cứ thế mà đam mê... nhưng với hai người phụ nữ mà hấn yêu, thì tháng Tư không phải chỉ có hoa hồng” [5]. Từ góc nhìn của người phụ nữ, tháng Tư ấy gắn liền với nước mắt của những người đàn bà trong và sau chiến tranh. Nước mắt rơi suốt cuộc đời của người đàn bà và kể cả khi nó không còn đủ sức để rơi, nỗi đau vẫn còn đó, in hằn trên khuôn mặt biến dạng và nhàu nhĩ: người đàn bà góa bụa đau khổ của chiến sĩ cách mạng nhưng bị gia đình nhà chồng gọi là “đồ đàn bà chửa hoang như bản” rồi đuổi đi; nỗi đau của những đứa con gái mồ côi và bị bỏ đói ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Rõ ràng, sự bất hạnh khiến họ đau đớn, khốn cùng. Sự bất hạnh có sức mạnh tàn phá khủng khiếp đối với người đàn bà: “khuôn mặt mẹ em biến dạng vào hôm người ta tới nhà gõ cửa báo tin cái chết của bố em, và khuôn mặt đó vẫn nguyên như vậy, vẫn hằn nỗi bất hạnh khủng khiếp, cho đến tận lúc mẹ em qua đời... thậm chí cho đến lúc đưa tang 4 ngày sau đó. Lúc nhìn mẹ em lần cuối trong quan tài, em mới hiểu thế nào là sức mạnh của bất hạnh, nó có sức tàn phá hơn cả cái chết” [5].

Trong *Và khi tro bụi*, nước mắt gắn liền với nỗi đau kinh hoàng của bé gái An Mi khi thấy xung quanh mình tất cả đều đã chết giữa một đồng hoang tàn, đổ nát sau trận ném bom. Nỗi đau ấy đã tạo một cú sốc tinh thần quá lớn khiến An Mi mất đi hoàn toàn trí nhớ để rồi cả cuộc đời sau đó, đứa trẻ mồ côi dù có lớn lên, có mong muốn khát khao được viết về cuộc đời của mình cũng chỉ có thể viết đôi dòng: “Tôi là một đứa trẻ mồ côi. Tôi đến từ một đất nước chiến tranh” [6]. Cả cuộc đời trôi nổi, lênh đênh, cô sống trong vô định như hạt cỏ vạt vương chẳng thể bám rễ vào bất cứ mảnh đất nào và cho đến khi cô quyết định tìm đến cái chết để kết thúc cuộc đời đầy bất hạnh của mình thì cô vẫn không thôi trăn trở “Tôi muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết” [6].

Ngoài ra, gắn liền với chiến tranh còn là nỗi đau bất tận của một gia đình ba thế hệ chỉ còn lại duy nhất toàn đàn bà góa trong *Gia đình bé mọn* của Dạ Ngân. Chúng ta cũng không thể không ám ảnh trước những giọt nước mắt mặn mòi, đắng chát gắn liền với nỗi bất hạnh tuột cùng của người mẹ “trong suốt gần hai chục năm qua, bà vẫn không tin tôi đã chết, vẫn mong cái ngày tôi quay về. Đêm đêm về sáng bà mới khóc thầm, ruột như đứt ra từng khúc” [7] trong *Nhân gian* của Thùy Dương. Ngoài ra, đó còn là nỗi đau như điên như dại của những người đàn bà chữa hoang, người đàn bà có chồng tử trận (trong *Gió tự thời khuất mặt* của Lê Minh Hà), người đàn bà chót yêu những người đàn ông thuộc “phe địch” để rồi cả cuộc đời hy sinh, đợi chờ trong những kiếm tìm tuyệt vọng (trong *Thang máy Sài Gòn, Chinatown* của Thuận).

Đặc biệt, trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ, nước mắt còn gắn liền với nỗi đau truyền kiếp của người đàn bà: nỗi đau bị phụ bạc, bị bỏ rơi, vì cả tin mà bị lừa dối. Trong *Chinatown*, bát com chan đầy nước mắt uất nghẹn khiến cho khuôn mặt người đàn bà trở nên méo mó khi người bạn đời mà cô đã vượt qua mọi trở ngại để đến với anh sẽ bỏ cô đi rất nhanh ngay sau đó: “tôi cầm bát lên nước mắt lưng tròng. Vừa và com vừa nuốt nước mắt (...). Miếng com nghẹn ở cổ (...). Sự im lặng khiến người tôi trong vắt. Nước mắt làm khuôn mặt tôi méo mó. (...) Tôi vác một cái mặt méo mó từ mười hai năm nay” [8].

Trong số các tiểu thuyết, nước mắt đã rơi nhiều nhất trong *Mưa ở kiếp sau*: 76 lần động từ “khóc” và 30 lần “nước mắt” xuất hiện. Trung bình, hơn hai trang văn bản là một lần nhân vật khóc, nước mắt lại tuôn rơi. Trên nhiều trang văn, “khóc” và “nước mắt” thấm đẫm trên từng con chữ. Ta có thể thấy rõ điều này qua đoạn văn sau: “Tôi nghĩ mẹ tôi *khóc* vì mẹ của mẹ mất, *khóc* vì sắp được về quê, *khóc* vì hai mẹ con tôi nghèo khó, mẹ tủi thân không muốn dắt con gái về nhà. Mẹ tôi *khóc* vì không biết vay đâu cho ra tiền đi tàu, *khóc* vì không biết ông ngoại có nhìn nhận tôi, một đứa con gái không cha là cháu của ông không (...). Mẹ nằm trên giường, đến hôm nay thì *nước mắt* không còn, chỉ còn sự yên lặng (...). Nhiều lần sau đó, mẹ tôi *khóc òa*, tôi không còn thấy *nước mắt*, nhưng tôi nghe những tiếng nấc dài từ một lồng ngực như có ai đè làm nghẹn mất hơi thở” [9].

Ở trích đoạn trên, trong chưa đến chục dòng văn bản nhưng đã có đến 8 lần “khóc” và “nước mắt” đã xuất hiện. Ở dòng chữ nào, “khóc” và “nước mắt” của nhân vật cũng xuất hiện. Nước mắt tuôn chảy thấm đẫm cả cuộc đời của người đàn bà ấy, tuôn chảy cho đến cùng kiệt. Đó là những giọt nước mắt đắng cay khi người đàn bà biết người đàn ông mình trao gửi tất cả tấm chân tình đã phụ bạc mình, bỏ rơi mình sau khi cùng lúc

làm cho hai chị em mang thai. Đó cũng là những giọt nước mắt đầy tủi nhục của người đàn bà khi bị cha ruột đuổi đi vì tội chữa hoang và sắp đến ngày ở cũ. Nước mắt cơ cực đầy tủi hận cũng đã tuôn chảy một cách đốn đau khi người đàn bà ấy phải “vượt cạn” một mình nơi đất khách quê người - không tiền bạc, không nhà cửa, không người thân thích. Người đàn bà ấy đã quỳ rạp xuống sàn nhà, òa khóc trong u uất, khóc như mưa như gió mịt mù giăng kín trời đất khi biết tin chính người đàn ông ấy tiếp tục tàn nhẫn “bức tử” đứa bé ngay khi còn đỏ hỏn. Nước mắt là điều chứng nhân duy nhất cho tất cả những sóng gió ập đến trong cuộc đời của chị. Nó là sự hiện diện của nỗi đau khi bị lừa dối, bị bỏ rơi, bị chối từ, bị cự tuyệt và bị tước đi quyền làm mẹ. Với vô vàn những nỗi đau chồng chất, nhân vật đã trút hết nước mắt cho một lần sau cuối để kể từ đó, dù có khóc như thế nào thì nước mắt cũng không bao giờ xuất hiện nữa.

Đan cài giữa những nỗi đau của người đàn bà ấy còn là những giọt nước mắt thần thờ, u uất của di Lan khi hồn ma đứa trẻ trở về báo mộng đã bị giết; là nước mắt của Chi dù cho đã chết nhưng vẫn không thôi khao khát được trở về, được mượn đôi mắt của Mai mà tuôn chảy. Và để rồi từ đó, “nước mắt của nó - của tôi, cứ còn chảy mãi” [9]. Không phải mưa, mà chính là nước mắt - nó đã không ngừng chảy trong suốt cuộc đời của người đàn bà và sẽ còn tiếp tục chảy ngay cả khi thể xác người đàn bà không còn nữa. Thể xác không còn, nhưng nỗi đau không thôi nhức nhối đối với những linh hồn đó. Nó bền chặt hơn cả cái chết bởi cái chết không làm cho nỗi đau đó tiêu tan. Vì thế, nước mắt còn nối dài cho đến cả kiếp sau - khi nhân vật đã trở thành hồn ma mà vẫn không thôi nức nở về cuộc đời đầy oan khốc và tức tưởi của mình. Nước mắt, nỗi buồn và niềm đau đã hòa những người đàn bà đó vào một: “chúng tôi đã là một người: bà tôi, mẹ tôi và tôi. Chúng tôi tan vào nhau vì nỗi buồn làm nhoà hết những đường biên giới giữa người này và người kia, nơi này và nơi kia, thời này và thời kia” [9].

### **2.3.2. Nước mắt – sự thể hiện của bản sắc trong cấu trúc tâm thần nữ giới**

Khi nghiên cứu về cấu trúc và chức năng não bộ của nữ giới và nam giới, các nhà khoa học đã kết luận rằng: cùng một sự kiện tác động đến trạng thái tình cảm, nhưng thần kinh tạo cảm giác phiền muộn ở nữ có diện tích lan tỏa gấp 8 lần so với nam giới. Vì vậy, so với nam giới, bộ não của người phụ nữ phát triển hơn ở khu vực của cảm giác, của linh cảm và của trí tưởng tượng. Điều này đã quy định đặc trưng bản thể của tính nữ: đó là sự nhạy cảm, tinh tế, giàu cảm xúc. Chính bởi những đặc trưng bản thể này, người phụ nữ dễ rung cảm và mức độ rung cảm cũng mạnh mẽ hơn nam giới. Đây là một trong những nguyên nhân (bên cạnh những nguyên nhân gia đình, xã hội) khiến cho người phụ nữ thường dễ buồn bã, đau khổ và hay khóc hơn so với nam giới. Yếu tố này đã góp phần tạo nên sự khác biệt về ý nghĩa biểu tượng nước mắt trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ.

Nếu trong tâm thức văn hóa chung của cộng đồng, nước mắt gắn liền với đàn bà, là hiện thân của sự yếu đuối, hèn nhất, cần sự giúp đỡ và che chở thì khi soi chiếu ý nghĩa này lên tiểu thuyết của một số nhà văn nữ đương đại, người viết nhận thấy có một sự “lệch chuẩn” khá lớn. Mặc dù “khóc” và “nước mắt” thấm đẫm tiểu thuyết nhưng chúng ta lại hiếm thấy bóng dáng những người phụ nữ liễu yếu đào tơ mà thay vào đó là sự lẫm liệt của hình tượng người phụ nữ chủ động, quyết đoán, bản lĩnh, sống độc lập và nuôi con một mình: đó là “tôi”, Loan, mẹ của Yamina trong *Chinatown*, Mai Lan trong *Paris 11 tháng 8*, Thu trong *Trên đỉnh dốc*, Mỹ Tiệp trong *Gia đình bé mọn*, Liễu, Thoa trong

*Tiểu thuyết đàn bà*, Di trong *Thoát y dưới trăng*, người mẹ trong *Người cha hiện đại*, Liên và Lan trong *Mưa ở kiếp sau*...

Trong những hoàn cảnh vô cùng khó khăn, việc quyết định nuôi con một mình là một sự quyết đoán đầy bản lĩnh, khẳng định vai trò trụ cột của người phụ nữ trong gia đình. Bởi vì, đằng sau quyết định đó là một cuộc sống bươn chải vô cùng chật vật, khó khăn mà người phụ nữ là người phải gồng gánh lo toan. Nuôi con một mình nghĩa là người phụ nữ không chỉ phải thực hiện trách nhiệm rất lớn về mặt kinh tế mà còn phải cố gắng để làm tốt vai trò của người mẹ (vốn đã hết sức khó khăn) và cố gắng bù đắp sự thiếu hụt cũng như thực hiện cả vai trò, trách nhiệm của người cha (vốn vẫn được xem như là trụ cột gia đình). Những người phụ nữ quyết định sống cuộc sống độc thân và nuôi con một mình đã tập hợp nhau lại thành những tổ chức, một hiệp hội như Thuận đã có dịp nhắc đến trong *Chinatown*: Hội những người phụ nữ độc thân; Hội những người phụ nữ nuôi con một mình. Sự thành lập và tồn tại của những hiệp hội này là một bước khẳng định ý thức tự chủ cũng như bản lĩnh vững vàng của người phụ nữ đồng thời là một bước “xét lại” vai trò độc tôn của nam giới trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Trải qua những nỗi đau bất hạnh, người phụ nữ đã mạnh mẽ đứng lên với tư thế là một người làm chủ cuộc đời (chứ không phải một thân phận lệ thuộc yêu đuối).

Bằng việc khắc họa hình tượng người phụ nữ mạnh mẽ, chủ động, quyết đoán và đầy bản lĩnh, tiểu thuyết Việt Nam đương đại đã góp phần làm lung lay quan niệm cho rằng phàm là nữ nhi thì yếu đuối. Nói cách khác, nước mắt không phải khi nào cũng là biểu tượng của sự yếu đuối và hèn nhát. Trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ đương đại, thay vì biểu hiện cho một ý nghĩa xưa cũ, nước mắt được cấp thêm những tầng nghĩa mới, thể hiện sự thức nhận của người phụ nữ về bản sắc đặc trưng của giới mình: một bản tính nữ sâu sắc – vừa nhạy cảm tinh tế, vừa dạt dào cảm xúc. Tác giả đã khảo sát tần số xuất hiện của các từ biểu hiện trạng thái cảm xúc phổ biến của nữ giới như: nhớ, buồn, cô đơn. Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tác giả	Tác phẩm	Nhớ	Buồn	Cô đơn
Thuận	<i>Chinatown</i>	44	23	4
	<i>Paris 11 tháng 8</i>	61	13	21
	<i>T mắt tích</i>	65	5	15
Đoàn Minh Phượng	<i>Mưa ở kiếp sau</i>	113	87	31
	<i>Và khi tro bụi</i>	110	98	36
Lê Ngọc Mai	<i>Tìm trong nỗi nhớ</i>	95	49	25
	<i>Trên đỉnh dốc</i>	34	25	27
Lê Minh Hà	<i>Gió tự thời khuất mặt</i>	146	93	54
Trầm Hương	<i>Người cha hiện đại</i>	56	78	23
Dạ Ngân	<i>Gia đình bé mọn</i>	29	44	36

Bảng khảo sát trên cho thấy, những từ chỉ sắc thái, cung bậc của nỗi nhớ, nỗi buồn, nỗi cô đơn luôn xuất hiện với tần số lớn: *Gió tự thời khuất mặt*, tần số xuất hiện của những từ chỉ nỗi nhớ/nỗi buồn/nỗi cô đơn là 146/93/53; *Mưa ở kiếp sau* là: 113/87/31;



Và khi tro bụi là 110/98/36; Tìm trong nỗi nhớ là 95/49/25; Người cha hiện đại là 56/78/23; Chinatown là 44/23/4; T mắt tích là 61/5/15...). Cần phải nói thêm rằng, ngay cả đối với nhà văn Thuận – nhà văn rất có ý thức trong việc lựa chọn một lối biểu đạt khác biệt: đó là dùng nghịch lí để kể về những nghịch lí - là kể một câu chuyện cực kì tình cảm bằng một thái độ hoàn toàn vô tình như chính nhà văn Thuận đã nhiều lần khẳng định thì tần số xuất hiện của những từ miêu tả cảm xúc vẫn xuất hiện với tần suất khá lớn. Điều này đã phần nào giải mã cho ý nghĩa biểu tượng nước mắt trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ - đó là “minh chứng” cho sự nhạy cảm, tinh tế, giàu cảm xúc vốn được xem như một nét đặc thù, là bản sắc riêng thuộc về nữ giới. Nó góp phần xóa bỏ định kiến cho rằng nước mắt chỉ là biểu tượng của sự yếu đuối và hèn nhát.

Sự nhạy cảm, tinh tế và giàu cảm xúc đã làm nên nét riêng biệt, là yếu tố góp phần khẳng định vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình - đặc biệt với thiên chức làm vợ và làm mẹ. Sự nhạy cảm và giàu cảm xúc khiến người phụ nữ biết yêu thương nhiều hơn, biết đồng cảm, chia sẻ, biết hy sinh, bao dung, vị tha và chu toàn hơn, trách nhiệm hơn. Nhưng đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho người phụ nữ thường phải chịu đựng đau khổ, bất hạnh nhiều hơn bởi họ khó tìm được sự “cùng nhịp” với một nửa còn lại của đời mình. Hơn nữa, đôi khi, vì quá giàu cảm xúc, nên họ dễ cả tin, dễ bị dối lừa khiến cho cuộc đời phải nhiều phen trả giá trong đau đớn.

### **2.3.3. Biểu tượng nước mắt – từ tinh thần xét lại đến ý thức nữ quyền**

Trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ, “nước mắt” không chỉ là minh chứng cho hơi ấm nữ tính mà còn thể hiện cho ý thức nữ quyền. Trong tâm thức văn hóa cộng đồng, tư tưởng “Nữ nhi thường tình”, “Nữ sinh ngoại tộc”, “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” vẫn âm ỉ cháy. Cảnh ngộ ấy khiến phụ nữ có nhu cầu được bày tỏ tiếng nói của mình, của giới mình nhiều hơn trong tác phẩm.

Trong tâm thế của một người cầm bút, nhà văn nữ Y Ban đã khẳng định rằng: “Tôi muốn xã hội hãy đọc tác phẩm của các nhà văn nữ như một sự lắng nghe, một sự thấu hiểu. Vì đó chính là tiếng lòng của họ, là những khát khao tự giải phóng bản thân mình” [10]. Đồng tình với điều này, tác giả công trình *Văn xuôi các nhà văn nữ thế hệ sau 1975 nhìn từ diễn ngôn giới* cũng khẳng định: “Văn chương nữ trước hết là tiếng lòng, là khát khao của phụ nữ, là bất cứ chuyện gì liên quan đến họ, giúp họ trải nghiệm cuộc sống, khẳng định và giải phóng bản ngã. Văn xuôi nữ... những cảm giác, những run rẩy hạnh phúc, đơn đau... chỉ của phụ nữ” [11]. Bởi thế, nước mắt trong tác phẩm cũng chính là nước mắt giới nữ nói chung – những người cầm bút sáng tạo văn chương với mục đích trước hết là để giải bày, chia sẻ nỗi đau, để tìm kiếm sự đồng cảm, thấu hiểu. Viết cũng là phương thức giải thoát, xoa dịu nỗi đau của giới mình. Bởi vậy, đằng sau những giọt nước mắt ấy không còn là sự hèn nhát, yếu đuối mà là một sự vùng lên mạnh mẽ để đối diện, phơi bày thực trạng và đứng lên vượt qua những nghịch cảnh cuộc sống.

Bằng việc lựa chọn một hình thức tự sự cỡ lớn nhưng có ưu thế đặc biệt trong việc phản ánh hiện thực trên cả bề rộng lẫn chiều sâu, các nhà văn nữ đã viết về nước mắt, viết về nỗi đau của chính giới mình. Bằng linh cảm giới tính cùng những trải nghiệm thân phận, sự tinh tế, nhạy cảm đã giúp các nhà văn nữ ít nhiều chạm đến tầng sâu nỗi đau nhân tình vốn vẫn âm ỉ chảy trong huyết mạch của những người đàn bà. Đây cũng là điểm gặp gỡ, tương giao trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ Việt Nam đương đại. Chúng ta còn gặp biểu tượng nước mắt với những chiều sâu ý nghĩa ấy trong một *Thoát*

*y dưới trăng* “chan hòa” nước mắt - như “khối nước đục ngàu, không lồ... không có chân mà đi bất tận” [12]. Đó cũng là nước mắt trong *Người cha hiện đại* của Trầm Hương với nỗi đau muôn thủa của đàn bà: “Anh sống bằng hạnh phúc, em sống bằng nỗi đau. Tài sản duy nhất em có được là nỗi đau. Em chỉ có cách gặm nhấm nỗi đau mình mà sống, nhờ nỗi đau và nước mắt mà nuôi lớn các con”[13]...Bởi vậy, “nước mắt” của những người đàn bà không chỉ là minh chứng cho nỗi đau mà nó còn có giá trị như một sự phơi bày, là sự lên tiếng “xét lại” thế giới từ góc nhìn đàn bà.

“Xét lại” là sự phân tích, đánh giá về tình trạng của những người phụ nữ qua đó thể hiện sâu sắc ý thức nữ quyền. Trong tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại, dưới nhãn quan nữ giới, người phụ nữ cho ta thấy được nguyên nhân vì đâu mà họ phải chịu đựng nỗi đau cũng như sự bất hạnh, tủi cực. Trên tinh thần xét lại, người phụ nữ góp phần tái định giá lại một số quy chuẩn cũng như phơi bày những “góc khuất” trong thế giới đàn ông.

Về phía xã hội, một trong những nguyên nhân làm cho người phụ nữ rơi vào nỗi đau bất hạnh là những cuộc chiến tranh. Bởi chiến tranh, biết bao thế hệ những người đàn bà đã lâm vào cảnh góa bụa, không chồng hoặc mất chồng, mất con. Có lẽ, đối với một người đàn ông, nỗi đau mất con không bao giờ cào xé đau đớn như người đàn bà. Trong *Gia đình bé mọn* nhà văn Dạ Ngân đã viết: “không thể so sánh nỗi bất hạnh nào với nỗi bất hạnh của những người đàn bà góa bụa”[14]. Gia đình Mỹ Tiệp là một gia đình gồm toàn những người đàn bà góa: “bà góa, cô góa, má góa, chị góa, cô em út cũng góa” [14]. Trong gia đình ấy, duy nhất Mỹ Tiệp “không góa” theo nghĩa đen nhưng lại bị góa theo một nghĩa khác bởi chiến tranh đã đưa đẩy cô đến với Đính trong một hoàn cảnh vô cùng éo le để rồi sau đó cô đau đớn nhận ra rằng mình đã thật sự nhầm lẫn. Ngoài ra, đó còn là nỗi bất hạnh của bà Nhi, chị Phận trong *Giọt tự thời khuất mặt* “đến cái hơi chồng có muốn nhớ cũng không nhớ nổi” [15] nhưng đã sớm trở thành những bà vợ liệt sĩ để rồi “bao đêm nghiền răng nằm không dám mộng, không dám đặt bàn tay lên chính thịt da mình” [15].

Ngoài chiến tranh, những quan niệm định kiến xưa cũ cũng là một trong những nguyên nhân đưa đẩy người phụ nữ vào bi kịch. Trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, ta vẫn thấy số phận của những người phụ nữ bị “ép duyên” gắn liền những cuộc hôn nhân sắp đặt không hạnh phúc (*Chinatown*, *Tiểu thuyết đàn bà*, *Vân Vy*). Trong *Chinatown*, tình yêu và cuộc hôn nhân giữa “tôi” và Thụy là một điều cấm kỵ. Bởi vậy, khi “tôi” quyết định lấy Thụy: “không chạm ngõ”, “không ăn hỏi”, ngày “tôi” và Thụy lấy nhau, bố mẹ hai bên không ai tới. “Ngày cưới chúng tôi chỉ có bạn bè tôi cùng học ở Leningrad. Mẹ tôi mệt. Mẹ tôi mệt từ nửa năm trước. Mẹ tôi mệt ngay từ lúc tôi thông báo nhất định cưới Thụy. Bố tôi bỏ com...cả nhà như có đám” [8]. Khắc nghiệt hơn cả là bố mẹ “tôi” đã bắt “tôi” bỏ Thụy. “Tờ giấy mẹ tôi đọc, bố tôi đánh máy. Tôi không dám đưa tận tay cho bố mẹ Thụy. Tôi vừa khóc vừa nhờ em gái Thụy chuyển cho Thụy” [8]. Bố mẹ “tôi” đã cương quyết chia cắt mối tình Trung – Việt để nuôi những giấc mơ và toan tính về một cuộc hôn nhân “môn đăng hộ đối” Pháp – Việt giữa “tôi” và hân.

Bên cạnh việc ép duyên và chia rẽ duyên, chế độ đa thê vẫn còn tồn tại dưới hình thức của một “phiên bản mới”. Những người đàn ông tự cho phép mình cái quyền được có một vợ, nhưng nhiều người tình. Trong tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại, những người đàn ông ngoại tình, bỏ rơi vợ khiến họ rơi vào cuộc sống bất hạnh, bi kịch chiếm đại đa số. Dường như, trong tiểu thuyết nào cũng xuất hiện không ít thì nhiều những

người đàn ông như thế (*Thức giấc, Người cha hiện đại, Tiểu thuyết đàn bà, Thoát y dưới trăng, Chinatown, Tìm trong nỗi nhớ...*). Chính điều đó đã đưa đẩy những người phụ nữ rơi vào cảnh “lẽ mọn, chồng chung” hoặc bị phụ bạc giống như những thân phận người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương từ vài thế kỉ trước.

Cuối cùng, những người phụ nữ cũng “xét lại” chính mình với tư cách là một trong những nhân tố khiến cho cuộc đời của mình trở nên bất hạnh. Đó là những người phụ nữ vội vàng, “nhắm mắt đưa chân” bước vào những cuộc hôn nhân không tình yêu như Liễu trong *Tiểu thuyết đàn bà*, Di trong *Thoát y dưới trăng*, Mỹ Tiệp trong *Gia đình bé mọn*. Vì thế, “tôi” mãi bị vây bủa trong những cô đơn, bất hạnh. Đó là những người phụ nữ “suy cho cùng vẫn là kẻ tự cao xước trái tim mình. Tự làm đau và làm thương tổn chính mình” [16]. Bên cạnh việc “nhắm mắt đưa chân”, người phụ nữ cũng thường hay cả tin và lụy tình. Đó cũng là nguyên nhân khiến cho họ thêm khổ.

### 3. Kết luận

Trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ Việt Nam đương đại, biểu tượng nước mắt được sử dụng khá thành công với nhiều chiều sâu ý nghĩa. Thay vì chỉ có giá trị làm chứng cho nỗi đau hay sự yếu đuối, hèn nhát của con người, từ góc nhìn nữ giới, biểu tượng nước mắt đã được cấp thêm nhiều tầng nghĩa mới: là bản sắc tinh thần vốn dạt dào cảm xúc của giới nữ; biểu đạt cho nỗi đau, sự bất hạnh gắn liền với giới nữ; là sự phơi bày thực trạng bất bình đẳng đối với giới nữ cũng như tinh thần “xét lại” nhằm xóa bỏ những định kiến về giới. Với những chiều sâu ý nghĩa ấy, biểu tượng nước mắt đã tạo ra sự ứ tràn của nội dung ra ngoài dạng thức biểu đạt, góp phần tăng cường tính triết lí, tính thơ cho tiểu thuyết.

**Ghi chú:** Bài viết này được tài trợ bởi Quỹ Khoa học Công nghệ Quốc gia NAFOSTED trong đề tài mã số 602.04-2018.302 do TS. Bùi Linh Huệ làm chủ nhiệm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Carl G. Luigman, 1994. *Dictionary of Symbols*, W.W. Norton & Company New York, London, page 5.
- [2] Jean Chevaliver, Alain Gheerbrant, 2002. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch. Nxb Đà Nẵng.
- [3] Đinh Hồng Hải, 2014. *Nghiên cứu biểu tượng – một số hướng tiếp cận lí thuyết*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4] Lois Tyson, 2006. *Critical theory today (A user – Friendly Guide)*, Routledge, New York.
- [5] Thuận, 2015. *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư*. Nxb Hội Nhà Văn và Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam.
- [6] Đoàn Minh Phượng, 2006. *Và khi tro bụi*. Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [7] Thùy Dương, 2010. *Nhân gian*. Nxb Hội Nhà văn
- [8] Thuận, 2004. *Chinatown*. Nxb Đà Nẵng.
- [9] Đoàn Minh Phượng, 2008. *Mưa ở kiếp sau*. Nxb Văn học, Hà Nội.

- [10] Y Ban, 2006. “*Hãy lắng nghe tác phẩm của các nhà văn nữ*”, <http://giaitri.vnexpress.net>.
- [11] Nhiều tác giả, 2016. *Thế hệ nhà văn sau 1975 – diện mạo và thành tựu*. Nxb Hội Nhà văn
- [12] Thùy Anna, 2010. *Thoát y dưới trăng*. Nxb Văn học
- [13] Trâm Hương, 2012. *Người cha hiện đại*. Nxb Hội Nhà văn
- [14] Dạ Ngân, 2008. *Gia đình bé mọn*. Nxb Phụ nữ.
- [15] Lê Minh Hà, 2004. *Gió tự thời khuất mặt*. Nxb Lao động - Xã hội.
- [16] Thùy Dương, 2009. *Thức giấc*. Nxb Hội Nhà văn
- [17] Melanie Barnum, 2017. *Cuốn sách về các biểu tượng tâm linh*, Thế Anh dịch. Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [18] Phạm Thị Thanh Phương, 2017. *Biểu tượng và Tư duy nghệ thuật trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 10, tr 104 – 112
- [19] Nguyễn Thị Duyên, 2015. *Biểu tượng nước, lửa trong sáng tác của một số nhà văn nữ đương đại*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [20] 20. Trần Thị Tươi, 2018. *Độc truyện ngắn Việt Nam dưới góc nhìn biểu tượng (khảo sát một số biểu tượng tiêu biểu)*, <http://www.vns.edu.vn/index.php/vi/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/274-doc-truyen-ngan-viet-nam-duong-dai-duoi-goc-nhin-bieu-tuong-khao-sat-mot-so-bieu-tuong-tieu-bieu>
- [21] Đinh Thị Thanh Huyền, 2008. *Biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết của Albert Camus*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [22] Trần Thị Hương, 2012. *Biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
- [23] Trần Thị Hoài Phương, 2009. *Biểu tượng như một phương thức phản ánh của văn xuôi đương đại (qua tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Bình Phương, Hồ Anh Thái)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## ABSTRACT

### **Tear symbol in Vietnam modern novels by some female writers**

Vũ Thị Hạnh

*Faculty of Journalism, Communication and Literature,  
Thai Nguyen University of Sciences*

Symbol has an important role in writing and literature research. Symbol is an element which is based on the creation of the overflow of content out of expression forms, making works become concise. In novels by some female writers, tear symbol was used in the depth of meaning. Tear symbol has showed not only the female spirit structures but also the feminist consciousness in novels by female writers.

**Keywords:** Symbol, tear, female novels, feminist consciousness, femility.